

Số: 14 /NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (vốn sự nghiệp) thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 12 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Nghị quyết phân bổ vốn ngân sách nhà
nước năm 2023 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa -
xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2023
(vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách trung ương: 68.242 triệu đồng.
- Vốn ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 10%.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 12 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Hồ Thị Cẩm Đào**



Phụ lục

(Bản hành kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chương trình, dự án	Ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)	Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp)	
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	Tổng số	68.242	828	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	750	0	Đổi ứng tối thiểu 10% theo quy định của pháp luật
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	750		
1.1	Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	750		
II	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	23.078	0	Đổi ứng tối thiểu 10% theo quy định của pháp luật
1	Thành phố Sóc Trăng	1.674		
2	Thị xã Vĩnh Châu	2.679		
3	Thị xã Ngã Năm	1.995		
4	Huyện Thạnh Trị	2.345		
5	Huyện Mỹ Xuyên	1.842		
6	Huyện Mỹ Tú	2.149		
7	Huyện Châu Thành	1.535		
8	Huyện Kế Sách	3.125		
9	Huyện Cù Lao Dung	1.381		



10	Huyện Long Phú	2.344		
11	Huyện Trần Đề	2.009		
III	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	13.001	50	Đôi ứng tối thiểu 10% theo quy định của pháp luật
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	10.179	21	
1.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	204	21	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	724		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	1.158		
1.4	Thị xã Ngã Năm	862		
1.5	Huyện Thạnh Trị	1.013		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	796		
1.7	Huyện Mỹ Tú	930		
1.8	Huyện Châu Thành	663		
1.9	Huyện Kế Sách	1.351		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	597		
1.11	Huyện Long Phú	1.013		
1.12	Huyện Trần Đề	868		
2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	2.822	29	
1.1	Sở Y tế	282	29	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	219		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	220		
1.4	Thị xã Ngã Năm	218		
1.5	Huyện Thạnh Trị	238		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	238		

1.7	Huyện Mỹ Tú	218		
1.8	Huyện Châu Thành	218		
1.9	Huyện Kế Sách	277		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	218		
1.11	Huyện Long Phú	238		
1.12	Huyện Trần Đề	238		
IV	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	17.095	402	Đổi ứng tối thiểu 10% theo quy định của pháp luật
1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	8.947	0	
1.1	Thành phố Sóc Trăng	744		
1.2	Thị xã Vĩnh Châu	901		
1.3	Thị xã Ngã Năm	811		
1.4	Huyện Thạnh Trị	879		
1.5	Huyện Mỹ Xuyên	789		
1.6	Huyện Mỹ Tú	834		
1.7	Huyện Châu Thành	721		
1.8	Huyện Kế Sách	924		
1.9	Huyện Cù Lao Dung	699		
1.10	Huyện Long Phú	834		
1.11	Huyện Trần Đề	811		
2	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	201	4	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	36	4	
2.2	Huyện Kế Sách	165		
3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	7.947	398	

3.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.973	398	
3.2	Thành phố Sóc Trăng	262		
3.3	Thị xã Vĩnh Châu	523		
3.4	Thị xã Ngã Năm	312		
3.5	Huyện Thạnh Trị	336		
3.6	Huyện Mỹ Xuyên	360		
3.7	Huyện Mỹ Tú	366		
3.8	Huyện Châu Thành	327		
3.9	Huyện Kế Sách	523		
3.10	Huyện Cù Lao Dung	236		
3.11	Huyện Long Phú	336		
3.12	Huyện Trần Đề	393		
V	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	8.328	259	Đổi ứng tối thiểu 10% theo quy định của pháp luật
1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	6.590	198	
1.1	Sở Thông tin và Truyền thông	1.977	198	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	335		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	535		
1.4	Thị xã Ngã Năm	399		
1.5	Huyện Thạnh Trị	469		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	368		
1.7	Huyện Mỹ Tú	430		
1.8	Huyện Châu Thành	306		
1.9	Huyện Kế Sách	625		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	276		

1.11	Huyện Long Phú	468		
1.12	Huyện Trần Đề	402		
2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo	1.738	61	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	608	61	
2.2	Thành phố Sóc Trăng	82		
2.3	Thị xã Vĩnh Châu	131		
2.4	Thị xã Ngã Năm	98		
2.5	Huyện Thạnh Trị	115		
2.6	Huyện Mỹ Xuyên	90		
2.7	Huyện Mỹ Tú	105		
2.8	Huyện Châu Thành	75		
2.9	Huyện Kế Sách	153		
2.10	Huyện Cù Lao Dung	68		
2.11	Huyện Long Phú	115		
2.12	Huyện Trần Đề	98		
VI	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá	5.990	117	Đổi ứng tối thiểu 10% theo quy định của pháp luật
1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	3.903	98	
1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	976	98	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	212		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	340		
1.4	Thị xã Ngã Năm	253		
1.5	Huyện Thạnh Trị	297		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	234		

1.7	Huyện Mỹ Tú	273		
1.8	Huyện Châu Thành	195		
1.9	Huyện Kế Sách	396		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	175		
1.11	Huyện Long Phú	297		
1.12	Huyện Trần Đề	255		
2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	2.087	19	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	158	16	
2.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30	3	
2.3	Thành phố Sóc Trăng	138		
2.4	Thị xã Vĩnh Châu	220		
2.5	Thị xã Ngã Năm	164		
2.6	Huyện Thạnh Trị	193		
2.7	Huyện Mỹ Xuyên	152		
2.8	Huyện Mỹ Tú	177		
2.9	Huyện Châu Thành	126		
2.10	Huyện Kế Sách	257		
2.11	Huyện Cù Lao Dung	114		
2.12	Huyện Long Phú	193		
2.13	Huyện Trần Đề	165		